

HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

PHẦN 1

TỔNG QUAN

MỤC TIÊU

- ☐ Hiểu rõ nguyên lý kế toán doanh nghiệp;
- ☐ Đánh giá tình hình tài chính thông qua:
 - ✓ Đánh giá chất lượng TSN, TSC. Lập lại Bản CĐKT.
 - ✓ Phân tích vốn lưu chuyển.
 - ✓ Phân tích bảo đảm nợ vay ngân hàng.
 - ✓ Phân tích các chỉ tiêu tài chính (phần 2)
 - ✓ Phân tích Báo cáo LCTT; đánh giá khả năng tạo tiền để trả nợ vay (Phần 3)

CÁC NỘI DUNG CHÍNH

- ☐ Các văn bản liên quan
- ☐ Một số khái niệm cơ bản
- ☐ Các nội dung cơ bản trong phân tích BCTC.

CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN

- Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.
- Các chuẩn mực kế toán Việt Nam (26 CMKT).
- QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 v/v ban hành Chế độ Kế toán DN; 244/2009/QĐ-BTC ngày 31/12/2009 sửa đổi QĐ15.
- QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 v/v ban hành chế độ kế toán DN nhỏ và vừa.
- Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại DN.
- QĐ 1858/CV-NHCT35 ngày 24/9/2008 v/v Hướng dẫn phân tích BCTC DN; thông báo 383/TB-NHCT35 ngày 4/11/2008 đính chính phụ lục 06

MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. **Chi phí trả trước ngắn hạn:** là những khoản chi phí thực tế **đã phát sinh** nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán trong một niên độ kế toán hoặc một chu kỳ kinh doanh, nên chưa thể tính hết vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh mà được tính vào hai hay nhiều **kỳ kế toán** tiếp theo.
2. **Chi phí trả trước dài hạn:** là những khoản chi phí thực tế **đã phát sinh** nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán, nên chưa thể tính hết vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh mà được tính vào hai hay nhiều **niên độ kế toán** tiếp theo.
3. **Chi phí phải trả:** là những khoản chi phí thực tế **chưa phát sinh** nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

MỘT SỐ KHÁI NIỆM

4. **Báo cáo tài chính hợp nhất:** là báo cáo tài chính của một tập đoàn được trình bày như báo cáo tài chính của một doanh nghiệp. Báo cáo này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của công ty mẹ và các công ty con theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25.
5. **Thông tin trọng yếu:** thông tin được coi là trọng yếu nếu thông tin đó thiếu hoặc không chính xác có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo. Tính trọng yếu phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Tính trọng yếu của thông tin được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính.

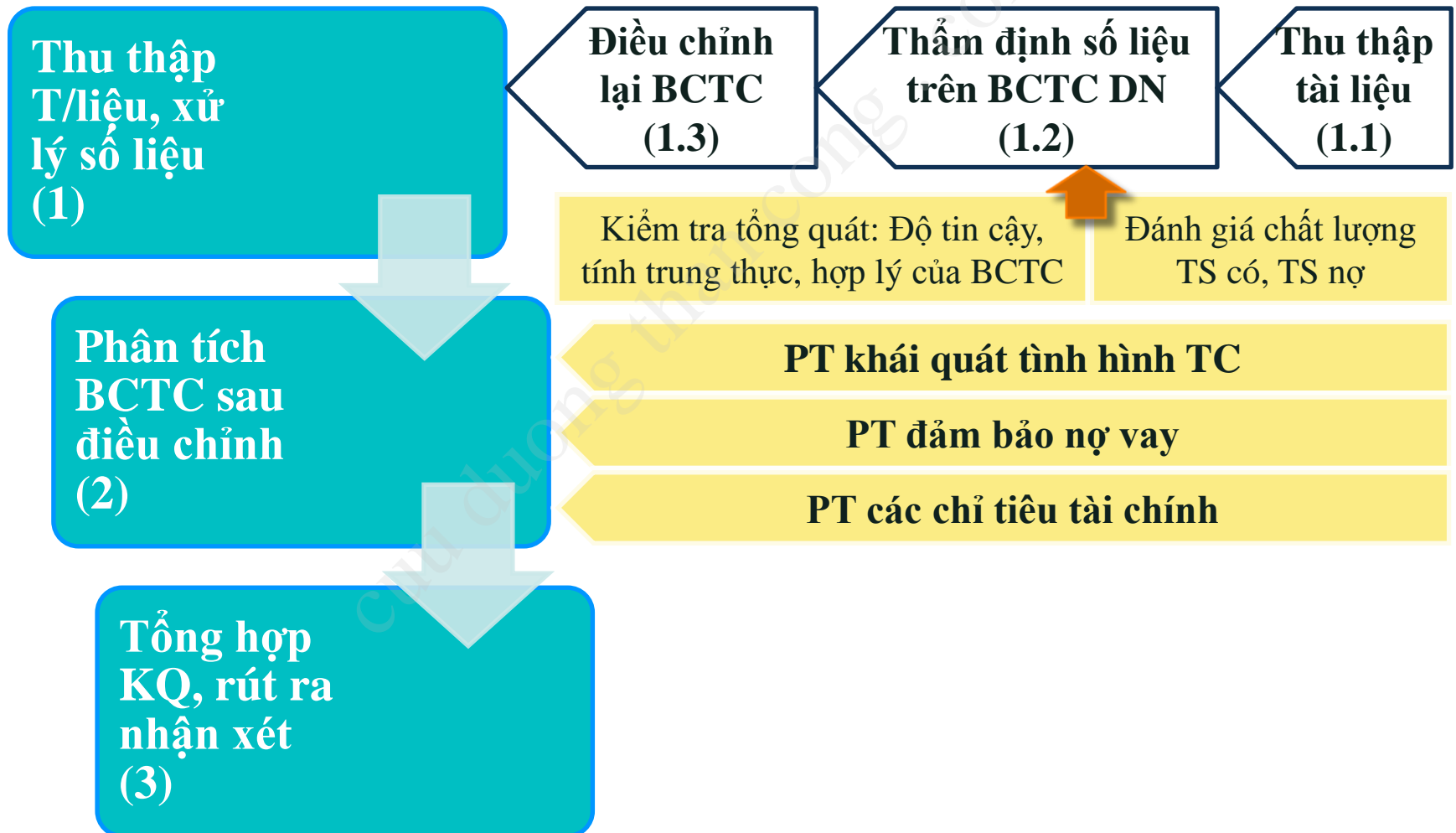
NỘI DUNG CẦN LƯU Ý

- Cho vay pháp nhân nào phân tích BCTC pháp nhân đó (Cty mẹ/Cty con độc lập vay vốn NHCT).
- Tham khảo BCTC hợp nhất để có nhận định thêm về *tình hình tài chính chung* của cả Tập đoàn/nhóm Cty mẹ - con, từ đó đánh giá khái quát về hoạt động đầu tư vốn của C.ty mẹ.
- Công ty mẹ cung cấp *thông báo chính thức từ Cty con/cty LDLK* về các khoản cổ tức, LN được chia để kiểm tra, tránh trường hợp: **(i)** hạch toán ít/nhiều hơn cổ tức, LN được chia; **(ii)** hạch toán LN khi chưa nhận được thông báo chính thức.

CÁC TRƯỜNG HỢP KIỂM TOÁN BẮT BUỘC

1. Doanh nghiệp nhà nước;
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
3. Công ty niêm yết và kinh doanh trên thị trường chứng khoán (*theo pháp luật về kinh doanh chứng khoán*);
4. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng của các dự án nhóm A
5. Tổ chức có hoạt động tín dụng, NH và Quỹ hỗ trợ phát triển;
6. Tổ chức tài chính và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

CÁC BƯỚC CƠ BẢN TRONG PT BCTC



THU THẬP VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU

Đánh giá chất lượng TS nợ, TS có

Mục đích:

- Đánh giá *thực chất* tình hình tài chính, kết quả kinh doanh DN
- Dùng số liệu đã điều chỉnh phân tích các chỉ tiêu tài chính

Một số trường hợp không trung thực hoặc sai sót có thể xảy ra:

- DN báo cáo lãi nhưng thực chất tài chính khó khăn, bị lỗ, không có lãi, hoặc lãi ít hơn thực tế.
- DN báo cáo lỗ nhưng trên thực tế DN vẫn có lãi, hoặc báo cáo lãi thấp hơn thực tế.

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TS CÓ

Đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn)

Yêu cầu

Đánh giá giá trị thị trường của khoản đầu tư → phát hiện khoản ĐT có giá thị trường < giá hạch toán, chưa được trích dự phòng

Phương pháp

Đầu tư chứng khoán

- Phát hiện khoản ĐT vượt quá thời hạn quy định, tìm nguyên nhân chưa thu hồi.
- Căn cứ giá thị trường thời điểm lập BCTC, đánh giá khả năng thua lỗ, so với số đã trích lập DP

Đầu tư vốn vào các TCKT khác

- Xem xét KQKD của **TCKT** và dự đoán xu hướng phát triển.
- Nếu **TCKT** bị lỗ, xem xét số đã trích lập DP .

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TS CÓ

Các khoản phải thu

Yêu cầu

Phát hiện để loại trừ: các khoản quá hạn, khó đòi chưa được trích dự phòng, khoản PT có tính chất dài hạn được hạch toán vào ngắn hạn và ngược lại; **khoản CP không rõ nguồn đang hạch toán vào các khoản PT.**

Phương pháp

- **Kiểm tra các khoản phải thu lớn/không hoặc ít luân chuyển trong năm/các năm** trên cơ sở sổ chi tiết các TK 131, 138, nợ TK 337, TK 331, HĐKT, chứng từ gốc, BB đối chiếu công nợ → **xác định khả năng thu hồi**, và đánh giá tổn thất của các khoản phải thu đó
- **So sánh** số đã trích lập DP với số phải trích theo quy định hiện hành

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TS CÓ

Hàng tồn kho

Yêu cầu

Xác định giá trị hàng tồn kho ứ đọng kém mất phẩm chất chưa được trích lập dự phòng

Phương pháp

- Xem chi tiết TK 152, TK 153, TK 154, TK 155, 156.
- Kiểm tra chi tiết kết quả kiểm kê.
- Tìm nguyên nhân biến động tăng lớn.
- Xác định những khoản không phát sinh tăng, giảm trong năm/nhiều năm.
- **Kiểm tra SP dở dang đối với các DN xây lắp, xác định những Công trình lỗ/có CP dở dang không phát sinh tăng, giảm trong năm/nhiều năm.**

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TS CÓ

Tài sản khác

Tạm ứng

Đánh giá những khoản tạm ứng không có khả năng thu hồi
(so sánh với thời hạn hoàn ứng trong giấy tạm ứng)

Chi phí trả trước

So sánh những khoản mục đã hạch toán vào TK 142, 242 với những khoản mục được phép hạch toán theo quy định để phát hiện, loại bỏ những khoản đã hạch toán không đúng tính chất

Thuế GTGT được khấu trừ

Đánh giá những Khoản thuế đã được hạch toán từ niên độ KT trước nhưng đến niên độ này vẫn chưa được khấu trừ

Tài sản cố định

Xác định GT còn lại của các TSCĐ không cần dùng, hư hỏng, lạc hậu, chờ thanh lý
Kiểm tra tính nhất quán trong việc sử dụng các phương pháp tính khấu hao

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TS CÓ

Chi phí phải trả

Đối chiếu các khoản mục TK 335 so với quy định của BTC

Kiểm tra xác suất một số khoản mục chi tiết có giá trị lớn hoặc nghi ngờ, CP phải trả hạch toán vào TK này có phù hợp với CP thực tế phát sinh không?

Lưu ý trường hợp khách hàng đề nghị miễn giảm lãi nhưng chi phí lãi vay đã hạch toán vào chi phí trong năm và hiện đang hạch toán vào chi phí phải trả, để đánh giá đúng mức độ khó khăn tài chính của doanh nghiệp tránh trường hợp dấu lãi.

ĐIỀU CHỈNH BCĐKT VÀ BCKQKD (VÍ DỤ)

ĐTTC vượt quá thời hạn hoặc giá ghi sổ cao hơn giá thị trường	Tăng DP giảm giá ĐTTC (BCĐKT)
	Tăng CP tài chính, giảm LN trước thuế (BCKQKD)
Khoản PT quá hạn, khó đòi	Tăng DP phải thu (BCĐKT)
	Tăng CP quản lý, giảm LN trước thuế (BCKQKD)
Giá trị thuần Hàng TK giảm so với giá trị sổ sách	Tăng DP giảm giá Hàng TK (BCĐKT)
	Tăng giá vốn HB, giảm LN trước thuế (BCKQKD)
Ứng trước cho người bán quá hạn lâu chưa được tất toán	Tăng DP phải thu (BCĐKT)
	Tăng CP khác, giảm lợi nhuận trước thuế (BCKQKD)

PHÂN TÍCH BÁO CÁO SAU ĐIỀU CHỈNH

1. Phân tích vốn lưu chuyển
2. Phân tích đảm bảo nợ vay
3. Phân tích các chỉ tiêu tài chính (phần 2)
4. Phối hợp các nội dung phân tích để đánh giá tổng hợp tình hình tài chính (phần 2)

PHÂN TÍCH ĐẢM BẢO NỢ VAY

Nguyên tắc phân tích

Phân tích chung cho toàn bộ nợ vay của DN (bao gồm nợ vay của các TCTD và các đối tượng khác). Trên cơ sở cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn, TSC trong bảng cân đối kế toán của DN phải được phân tích, đánh giá và xác định đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện làm TSBĐ nợ vay.

Nội dung phân tích

- **Lập bảng phân tích đảm bảo nợ vay:** Căn cứ các tài liệu thu thập và chất lượng TSC sau khi đã đánh giá và loại trừ các khoản mục kém chất lượng
- **Phân tích nguyên nhân thiếu (thừa) bảo đảm nợ vay,** đề xuất kiến nghị căn cứ vào kết quả phân tích.

PHÂN TÍCH BẢNG CĐKT

Phân tích vốn lưu chuyển

Mục đích:

DN có khả năng thanh toán các khoản nợ NH không, TSCĐ có được tài trợ bằng nguồn vốn dài hạn không?

Phương pháp:

➤ Xác định VLC dương hay âm → Nhận định về khả năng thanh toán của DN

$$\text{VLC} = \text{NVDH} - \text{TSDH} = \text{TSNH} - \text{NVNH}$$

➤ Xem xét sự biến động của tài sản và nguồn vốn trong ngắn hạn và dài hạn, xác định nguyên nhân gây biến động: thuộc chính sách tài trợ, chính sách đầu tư, chính sách khấu hao, trích lập dự phòng.....

XIN CẢM ƠN

